TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày: 29-6-2022
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Huỳnh Điệp
Bà Lê Thị Đông.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: ông Phạm Hữu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 223/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: N Phạm Văn T, Phường S, thành phố T, tỉnh Long An

- *Bị đơn*:
1/ Ông **Võ Tấn L**, sinh năm 1975.
2/ Bà **Nguyễn Thị Bạch T**, sinh năm 1984.
Địa chỉ: M Huỳnh Châu S, Phường S, thành phố T, tỉnh Long An.
(Ông K, ông L, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2021 của ông Nguyễn Minh K và các lời trình bày có trong hồ sơ có nội dung:

Do ông và ông Võ Tấn L là bạn bè chung xóm nên ông có cho ông L vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 13/5/2020, ông cho ông L vay số tiền là 30.000.000đ, không hẹn thời hạn trả tiền, lãi suất vay thỏa thuận (nhưng không ghi là bao nhiêu).

- Ngày 08/8/2020, ông cho ông L cùng vợ là bà Nguyễn Thị Bạch T vay số tiền là 20.000.000đ và cùng chốt lại số nợ 30.000.000đ vay ngày 13/5/2020, tổng cộng là 50.000.000đ, hẹn 01 tháng sau sẽ trả, lãi suất thỏa thuận (nhưng không ghi là bao nhiêu).

Tổng cộng 02 lần vay là 50.000.000đ. Tuy nhiên, khi đến hạn trả tiền thì ông L, bà T không trả tiền cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông L, bà T trả cho ông số tiền gốc vay là 50.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 30/5/2022, ông có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử tại Tòa án.

Bị đơn, ông Võ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Ông Võ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L, bà T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của ông L, bà T đối với yêu cầu khởi kiện của ông K. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông L, bà T cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh K là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: ông Nguyễn Minh K khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Võ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là ông Nguyễn Minh K, bị đơn là ông Võ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông L, bà T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L, bà T không chấp hành. Riêng ông Nguyễn Minh K là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: theo lời trình bày của ông Nguyễn Minh K vào ngày 13/5/2020, ông cho ông L vay số tiền là 30.000.000đ, không hẹn thời hạn trả tiền, lãi suất thỏa thuận; ngày 08/8/2020, ông cho ông L cùng vợ là bà Nguyễn Thị Bạch T vay số tiền là 20.000.000đ và cùng chốt lại số nợ 30.000.000đ vay ngày 13/5/2020, tổng cộng là 50.000.000đ, hẹn 01 tháng sau sẽ trả, lãi suất thỏa thuận. Tổng cộng 02 lần vay là 50.000.000đ. Kèm theo lời trình bày của mình, ông K cung cấp cho Tòa án 02 "Biên nhận" ngày 13/5/2020 có chữ ký và chữ viết tên Võ Tấn L và ngày 08/8/2020 có chữ ký và chữ viết tên Võ Tấn L và Nguyễn Thị Bạch T. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung 02 "Biên nhận" ngày 13/5/2020 có chữ ký và chữ viết tên Võ Tấn L và ngày 08/8/2020 có chữ ký và chữ viết tên Võ Tấn L và Nguyễn Thị Bạch T thì đủ cơ sở để xác định ông L, bà T có vay ông K tổng số tiền là 50.000.000đ, không có lãi suất vay nhưng có thời hạn vay. Ông L, bà T được tòa án triệu tập hợp lệ, biết được việc ông Kha khởi kiện yêu cầu ông L, bà T trả số tiền đã vay nhưng ông L, bà T không có ý kiến gì đối với khoản tiền vay này nên việc ông K khởi kiện yêu cầu ông L, bà T trả số tiền 50.000.000đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Ông Nguyễn Minh K yêu cầu ông Võ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ trả tiền vay, ông L, bà T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông L, bà T trả cho ông K số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất cho vay: Căn cứ 02 "Biên nhận" ngày 13/5/2020 và ngày 08/8/2020 không có ghi nhận lãi suất vay tiền và ông K là người khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét tính lãi suất cho vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: ông Võ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ông Nguyễn Minh K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000đ do yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh K về việc yêu cầu ông Võ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T trả cho ông số tiền vay là 50.000.000đ.

Buộc ông Võ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T trả cho ông Nguyễn Minh K số tiền vay là 50.000.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ Tấn L, bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu 2.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Minh K được nhận lại số tiền 1.250.000đ theo biên lai thu số 0001149 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh